TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HS-ST
Ngày: 08 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Thìn
2. Bà Bùi Thị Bích Thủy

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Đỗ Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2025/TLST-HS, ngày 13/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HS, ngày 25/3/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Thị T; sinh ngày: 20/12/1975, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038175001800; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng B (đã chết), con bà: Lê Thị P; Có chồng là Phạm Văn L và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2025 đến ngày 21/01/2025; Sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/01/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị T1; sinh năm: 1983***;*** Địa chỉ: Khu phố T, TT V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Chị Bùi Thị H; sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Lưu Văn H1; sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Chị Quách Thị N; sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị L1; sinh năm: 1954; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Thị T có mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị T1 và Bùi Thị H. Trong thời gian từ tháng 3/2021 đến tháng 3/2022, T nhiều lần cho chị T1 và chị H vay tiền, không thỏa thuận về thời hạn vay, với lãi suất vay là 10%/tháng, tương đương với 121,67%/năm, gấp 6,0835 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Cụ thể như sau:

1. Đối với gói vay của chị Nguyễn Thị T1:

Vào khoảng cuối tháng 03/2021, chị Nguyễn Thị T1 đến nhà T để hỏi vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) thì được T đồng ý. T tính lãi suất là 10%/tháng, theo đó mỗi tháng chị T1 phải trả lãi số tiền lãi cho T là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Chị T1 trả tiền lãi đầy đủ cho T đến hết tháng 7/2022 thì không trả lãi nữa. Trong quá trình vay chị T1 còn trả thêm cho T số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền lãi vào khoảng tết năm 2023 bằng tiền mặt, ngoài ra không trả thêm cho T số tiền lãi nào nữa. Đến nay chị T1 chưa trả số tiền gốc đã vay cho T.

Đối với khoản vay của chị Nguyễn Thị T1, đến nay đã trả tiền lãi cho T là 16 tháng x 5.000.000 đồng/1 tháng = 80.000.000 đồng và có một lần đưa tiền mặt là 8.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi mà T1 đã trả cho toàn là 88.000.000 đồng.

Số ngày mà Đặng Thị T cho T1 vay đến khi T tới Công an đầu thú là: 1.361 ngày (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi).

Số tiền lãi thu được tối đa căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

$$\text{Số tiền lãi được thu tối đa} = \frac{\text{Số tiền vay x 20\%/năm}}{365} \text{ x Số ngày vay}$$

Áp dụng công thức trên, xác định số tiền lãi được thu tối đa khi Đặng Thị T cho Nguyễn Thị T1 vay 50.000.000đ là:

$$\text{Số tiền lãi được thu tối đa} = \frac{\text{50.000.000đ x 20\%/năm}}{365} \text{ x 1.361}$$

Số tiền lãi được thu tối đa = 37.287.671đ (ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng)

Số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự:

Số tiền thu lợi bất chính = Số tiền lãi phải trả - Số tiền lãi được thu tối đa

Áp dụng công thức trên ta có:

Số tiền thu lợi bất chính = 5.000.000đ/30 x 1.361 - 37.287.671đ

Số tiền thu lợi bất chính = 189.545.662đ (một trăm tám mươi chín triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng)

Số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu:

+ Đối với các tháng mà T1 đã trả tiền lãi đầy đủ cho Đặng Thị T:

Số tháng thực tế thu lãi = 16 tháng (= 480 ngày)

$$\text{Số tiền lãi được thu tối đa} = \frac{50.000.000đ \times 20\%/năm}{365} \times 480$$

Số tiền lãi được thu tối đa = 13.150.684đ (mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng)

Số tiền thu lợi bất chính đã thu được = Số tiền lãi đã trả - Số tiền lãi được thu tối đa

80.000.000đ - 13.150.684đ

66.849.316đ (sáu mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng)

+ Đối với số tiền lãi 8.000.000 đồng mà chị T1 trả thêm cho Đặng Thị T:

Số ngày thực tế thu lãi = 8.000.000đ/(5.000.000đ/30 ngày) = 48 ngày

$$\text{Số tiền lãi được thu tối đa} = \frac{50.000.000đ \times 20\%/năm}{365} \times 48$$

Số tiền lãi được thu tối đa = 1.315.068đ (một triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng)

Số tiền thu lợi bất chính đã thu được = Số tiền lãi đã trả - Số tiền lãi được thu tối đa

8.000.000đ - 1.315.068đ

6.684.932đ (sáu triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng)

Như vậy, tổng số tiền mà Đặng Thị T đã thu lợi bất chính thực tế của chị Nguyễn Thị T1 là: 66.849.316đ + 6.684.932đ = 73.534.248 đồng (bảy mươi ba triệu năm trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng).

2. Đối với gói vay của chị Bùi Thị H: Chị H có 03 lần đến vay tiền của Đặng Thị T, cụ thể:

**** Lần thứ nhất:*** khoảng cuối tháng 03/2021, chị H đến nhà T hỏi vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) thì được T đồng ý. T tính lãi suất là 10%/tháng, theo đó mỗi tháng chị H phải trả lãi số tiền lãi cho T là 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Chị H trả lãi hàng tháng cho T nhưng không đầy đủ. Đến nay chị H chưa trả số tiền gốc đã vay cho T.

Số ngày mà bị can Đặng Thị T cho vay đến khi T tới Công an đầu thú là: 1.361 ngày (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi).

Số tiền lãi thu được tối đa căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

$$\text{Số tiền lãi được thu tối đa} = \frac{40.000.000đ \times 20\%/năm}{365} \times 1.361$$

Số tiền lãi được thu tối đa = 29.830.137đ (hai mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng)

Số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự:

Số tiền thu lợi bất chính = 4.000.000đ/30 x 1.361 - 29.830.137đ

151.636.530đ (một trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi đồng)

**** Lần thứ hai:*** khoảng cuối tháng 08/2021, chị H đến nhà T hỏi vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) thì được T đồng ý. T tính lãi suất là 10%/tháng, theo đó mỗi tháng chị H phải trả lãi số tiền lãi cho T là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Chị H trả lãi hàng tháng cho T nhưng không đầy đủ. Đến nay chị H chưa trả số tiền gốc đã vay cho T.

Số ngày mà bị can Đặng Thị T cho vay đến khi T tới Công an đầu thú là: 1.211 ngày (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi).

Số tiền lãi thu được tối đa căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

$$\text{Số tiền lãi được thu tối đa} = \frac{20.000.000đ \times 20\%/năm}{365} \times 1.211$$

Số tiền lãi được thu tối đa = 13.271.232đ (mười ba triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi hai đồng)

Số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự:

Số tiền thu lợi bất chính = 2.000.000đ/30 x 1.211 - 13.271.232đ

67.462.101đ (sáu mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn một trăm linh một đồng).

**** Lần thứ ba:*** khoảng cuối tháng 03/2022, chị H tiếp tục đến nhà T hỏi vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) thì được T đồng ý. T tính lãi suất là 10%/tháng, theo đó mỗi tháng chị H phải trả lãi số tiền lãi cho T là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Chị H trả lãi hàng tháng cho T nhưng không đầy đủ. Đến nay chị H chưa trả số tiền gốc đã vay cho T.

Số ngày mà bị can Đặng Thị T cho vay đến khi T tới Công an đầu thú là: 1.001 ngày (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi)

Số tiền lãi thu được tối đa căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

$$\text{Số tiền lãi được thu tối đa} = \frac{30.000.000đ \times 20\%/năm}{365} \times 1.001$$

Số tiền lãi được thu tối đa = 16.454.794 đ (mười sáu triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng)

Số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự:

Số tiền thu lợi bất chính = 3.000.000đ/30 x 1001 - 16.454.794đ

Số tiền thu lợi bất chính = 83.645.206đ (tám mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh sáu đồng).

Số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được xác định số tiền lãi mà Đặng Thị T đã được nhận từ chị Bùi Thị H là 47.900.000đ (bốn mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng). Tiến hành xác định số tiền thu lợi bất chính mà Đặng Thị T đã thu được của chị Bùi Thị H như sau:

- Tổng số tiền gốc mà Đặng Thị T cho Bùi Thị H vay là: 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu:

Số ngày thực tế thu lãi = 47.900.000đ/(9.000.000đ/30 ngày) = 160 ngày

$$\text{Số tiền lãi được thu tối đa} = \frac{90.000.000đ \times 20\%/năm}{365} \times 160$$

Số tiền lãi được thu tối đa = 7.890.410đ (bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười đồng)

Số tiền thu lợi bất chính đã thu được = 47.900.000đ - 7.890.410đ
40.009.590đ (bốn mươi triệu không trăm linh chín nghìn năm trăm chín mươi đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà Đặng Thị T sử dụng cho Nguyễn Thị T1 và Bùi Thị H vay là: 50.000.000đ + 90.000.000đ = 140.000.000 đồng; Số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là: *189.545.662đ + 151.636.530đ + 67.462.101đ + 83.645.206đ* = 492.289.499 đồng, số tiền Đặng Thị T thu lợi bất chính thực tế là: 73.534.248đ + 40.009.590đ = 113.543.838 đồng.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKSTT, ngày 12/3/2025, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Đặng Thị T về về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa Đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Thị T từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 08/4/2025)

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự xử phạt bổ sung đối với bị cáo T số tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại phím bấm Viettel màu đỏ đen, cũ, đã qua sử dụng, lắp sim số 0339589823 và 01 điện thoại Iphone 11, vỏ trắng, cũ, đã qua sử dụng, lắp sim số 0912527469.

Về áp dụng biện pháp tư pháp:

Truy thu số tiền gốc bị cáo dùng cho vay lãi nặng để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T1 số tiền 50.000.000 đồng; Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị H số tiền 90.000.000 đồng.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay cụ thể: Truy thu của bị cáo Bùi Thị T2 số tiền 22.356.162 đồng.

Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo thực tế đã thu cụ thể: Buộc bị cáo Đặng Thị T phải trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 73.534.248 đồng, trả cho chị Bùi Thi H2 số tiền là 40.009.590 đồng.

Bị cáo Đăng Thị T3 đã tự nguyện nộp tiền tạm ứng khắc phục hậu quả trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nộp ngân sách nhà nước tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành với số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001755 ngày 31/03/2025 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành và khi đầu thú bị cáo đã tự nguyện nộp 32.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Số tiền này cần được trừ vào số tiền bị cáo phải khắc phục hậu quả trả lại tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tiền tịch thu, truy thu nộp ngân sách nhà nước theo bản án.

Về biện pháp phong tỏa tài khoản: Đề nghị HĐXX tuyên hủy bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản sau khi bị cáo Đặng Thị T thực hiện xong nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước về khoản tiền nộp tiền phạt bổ sung; Nộp tiền truy thu, tịch thu nộp ngân sách nhà nước và trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lời bất chính theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 03/2022, Đặng Thị T đã thực hiện hành vi cho chị Nguyễn Thị T1 vay số tiền 50.000.000 đồng và Bùi Thị H vay số tiền 90.000.000 đồng, với mức lãi suất 121,67%/năm, gấp 6,0835 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền Đặng Thị T thu lời bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự từ việc cho vay tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện và ngăn chặn là 492.289.499 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu hai trăm tám chín nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng). Trong đó, số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu được

113.543.838 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi tám đồng). Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Đặng Thị T đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành truy tố bị cáo theo tội danh trên, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội có 01 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả", "đầu thu" và "người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo". Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi đã thực hiện để giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây hậu quả không lớn. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ cải tạo bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước

[6]. Do hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo không phải là phạt tiền nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án xác định bị cáo không có tài sản riêng, tài sản chung của bị cáo là quyền sử dụng đất và nhà ở là những tài sản phục vụ cho đời sống và sinh hoạt của cả gia đình, mặt khác hiện nay tài sản trên đang là tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng N1 chi nhánh huyện T. Do đó cần xem xét áp dụng mức hình phạt bổ sung phù hợp đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc, bị cáo sử dụng vào mục đích cho vay lãi cao, nhằm hưởng lợi bất chính, là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Tổng số tiền

gốc bị cáo Đặng Thị T sử dụng cho chị Nguyễn Thị T1 và chị Bùi Thị H vay là 140.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này chị T1 và chị H chưa trả lại cho bị cáo. Do đó cần truy thu tiền gốc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả nợ để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T1 số tiền 50.000.000 đồng; Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị H số tiền 90.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi bị cáo thu vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự mà bị cáo thu thực tế của người vay. Đây là tiền bị cáo thu lãi suất trái pháp luật của người vay và người vay cũng không sử dụng số tiền vay vào mục đích bất hợp pháp nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay. Cụ thể: Buộc bị cáo Đặng Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 73.534.248 đồng (Bảy mươi ba triệu năm trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng). Buộc bị cáo Đặng Thị T phải trả lại cho chị Bùi Thị H số tiền 40.009.590 đ (Bốn mươi triệu không trăm linh chín nghìn năm trăm chín mươi đồng).

Đối với số tiền lãi các bị cáo thu từ người vay tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định (20%/năm). Đây là số tiền bị cáo thu được do phạm tội mà có nên cần Truy thu nộp ngân sách nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo Đặng Thị T số tiền 22.356.162 đ (Hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi hai đồng)

[8] Bị cáo Đặng Thị T đã tự nguyện nộp tiền tạm ứng để bồi thường khắc phục hậu quả trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nộp ngân sách nhà nước khi đầu thú số tiền 32.000.000 đồng và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001755 ngày 31/3/2025 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành. Số tiền này cần được trừ vào số tiền phạt sung, tiền tịch thu, truy thu nộp ngân sách nhà nước và tiền bị cáo phải khắc phục hậu quả trả lại tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo bản án trong đó ưu tiên trừ các khoản tiền phạt bổ sung và tiền truy thu của bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước, số tiền còn lại được chia theo tỷ lệ tương ứng trả cho những người vay tiền bị cáo thu lời bất chính.

[9]. Về xử lý vật chứng : Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 điện thoại phím bấm Viettel màu đỏ đen, cũ, đã qua sử dụng, lắp sim số 0339589823 và 01 điện thoại Iphone 11, vỏ trắng, cũ, đã qua sử dụng, lắp sim số 0912527469. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[10]. Về biện pháp phong tỏa tài khoản: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T đã ra lệnh phong tỏa tài khoản số 3507205049982 tại ngân hàng N1, chủ tài khoản là Đặng Thị T, theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 32/LPT - ĐCSHS

ngày 21/01/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T. Bị cáo Đặng Thị T bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền, bị truy thu, tịch thu tiền nộp ngân sách nhà nước và trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lời bất chính. Do đó HĐXX xét thấy để đảm bảo cho việc thi hành án thì sau khi bị cáo Đặng Thị T thực hiện xong nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước về khoản tiền nộp tiền phạt bổ sung; Nộp tiền truy thu, tịch thu nộp ngân sách nhà nước và trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lời bất chính theo bản án đã có hiệu lực pháp luật thì Biện pháp phong tỏa tài khoản được hủy bỏ là phù hợp.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt Đặng Thị T 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 08/4/2025).

Giao bị cáo Đặng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Thị T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1 Truy thu số tiền gốc bị cáo dùng cho vay lãi cao để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T1 số tiền

50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

- Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị H số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng);

3.2. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay cụ thể: Truy thu của bị cáo Đặng Thị T số tiền 22.356.162 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi hai đồng)

3.3. Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay tiền số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu cụ thể:

Buộc bị cáo Đặng Thị T phải trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 73.534.248 đồng (Bảy mươi ba triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng)

Buộc bị cáo Đặng Thị T phải trả lại cho chị Bùi Thị H số tiền 40.009.590 đồng (Bốn mươi triệu không trăm linh chín nghìn năm trăm chín mươi đồng).

3.4. Bị cáo Đặng Thị T đã nộp tiền tạm ứng khắc phục hậu quả trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nộp ngân sách nhà nước tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành với số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001755 ngày 31/3/2025 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành và khi đầu thú bị cáo tự nguyện nộp số tiền 32.000.000 đồng. Tổng số số tiền bị cáo tự nguyện giao nộp là 92.000.000 đ (Chín mươi hai triệu đồng), số tiền này được trừ vào số tiền bị cáo phải khắc phục hậu quả trả lại tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tiền thu nộp ngân sách nhà nước theo bản án Khoản tiền này được trừ vào các khoản sau:

+ Tiền phạt bổ sung 30.000.0000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

+ Tiền truy thu tiền lãi bị cáo thu từ người vay tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định (20%/năm) số tiền 22.356.162 đ (Hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi hai đồng)

+ Trả cho chị Bùi Thị H số tiền 13.969.350 đồng (Mười ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm năm mươi đồng)

+ Trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 25.674.487 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng)

(Số tiền 32.000.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp khi đầu thú đang được lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành được đựng trong một phong bì niêm phong kích thước 16cm x 32cm, có chữ ký giáp lai của Nguyễn Hữu L2, Đặng Thị T, Nguyễn Thị T4, đóng 04 hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT công an huyện T. Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng tài sản ngày 28/02/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành)

3.5. Sau khi trừ các khoản phải thi hành vào số tiền bị cáo đã nộp tạm ứng thì bị cáo Đặng Thị T còn phải tiếp tục thi hành các khoản tiền sau:

- Trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 47.859.761 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng).

- Trả cho chị Bùi Thị H số tiền 26.040.240 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen, cũ, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ trắng, cũ, đã qua sử dụng. Điện thoại được đựng trong 01 phong bì dán kín, niêm phong có chữ ký ghi rõ họ tên của Trần Thị H3, Phạm Thanh H4 và có các hình dấu của phòng K công an tỉnh T. Mặt trước phong bì có ghi "KLGĐ số 787/KL- KTHS ngày 12/02/2025".

Vật chứng trên hiện đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/02/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

5. Về biện pháp phong tỏa tài khoản: Sau khi bị cáo Đặng Thị T thực hiện xong nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước về khoản tiền nộp tiền phạt bổ sung; Nộp tiền truy thu, tịch thu nộp ngân sách nhà nước và trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lời bất chính theo bản án đã có hiệu lực pháp luật thì Biện pháp phong tỏa tài khoản được hủy bỏ. Tài khoản đang bị phong tỏa là tài khoản số 3507205049982 tại ngân hàng N1, chủ tài khoản là Đặng Thị T (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 32/LPT - ĐCSHS ngày 21/01/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T).

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Đặng Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghì đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Cơ quan CSĐT công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan thi hành án hình sự công an tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Văn Hải